



THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ QUY ĐỊNH VỀ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ PHÙ HỢP NHẪM THỨC ĐẨY THANH TOÁN SỐ

LÊ ANH DŨNG
Phó Vụ trưởng Vụ Thanh toán - NHNN

Hà Nội, Tháng 06/2020

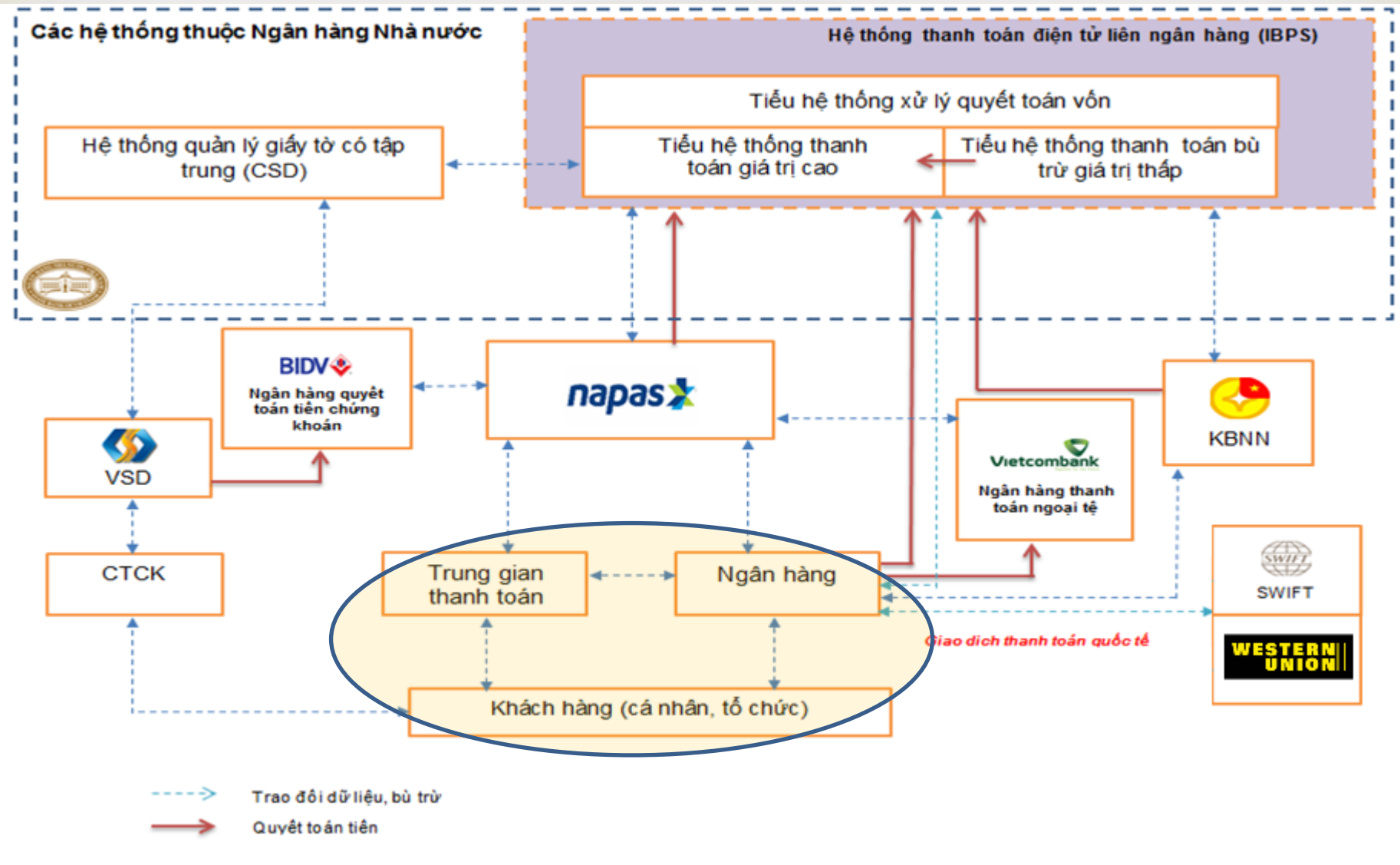
Tổng quan về các hệ thống thanh toán tại Việt Nam

Một số vướng mắc của ngành ngân hàng đối với Luật giao dịch điện tử

Thực tiễn chữ ký điện tử quốc tế và trong ngành ngân hàng Việt Nam

Đề xuất khuôn khổ quy định nhằm thúc đẩy thanh toán số

Tổng quan về các hệ thống thanh toán tại Việt Nam



Hệ thống văn bản pháp lý về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng



Cấp độ
Nghị định

Nghị định 35/2007/NĐ-CP ngày 08/03/2007 về giao dịch điện tử trong giao dịch ngân hàng.

Cấp độ
Thông tư

- **Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng;**
- **Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước;**
- **Thông tư 35/2016/TT-NHNN ngày 20/12/2016 quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 35/2018/TT-NHNN ngày 24/12/2018);**
- **Thông tư 37/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia.**

Cấp độ
quyết định

Quyết định 630/2017/QĐ-NHNN ngày 31/03/2017 ban hành kế hoạch áp dụng các giải pháp về an toàn bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân hàng.

Vướng mắc ngành ngân hàng trong triển khai quy định của Luật giao dịch điện tử



- Một số quy định của Luật GDĐT 2005 đến nay đã không còn đáp ứng yêu cầu thực tế trong việc ứng dụng đa dạng các giải pháp, công nghệ nhằm số hóa dịch vụ ngân hàng, cụ thể:

Quy định hiện tại chưa rõ ràng về giá trị pháp lý, giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu

Quy định hiện tại chưa rõ ràng về tính pháp lý và trường hợp áp dụng chữ ký điện tử

Quy định chưa đầy đủ về giao kết và hợp đồng điện tử

Một số vướng mắc của ngành ngân hàng đối với Luật giao dịch điện tử (tiếp)



Quy định hiện tại chưa rõ ràng về giá trị pháp lý, giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu

Điều 19 quy định quá trình gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu lại xảy ra tại một không gian chung, tập trung, mâu thuẫn với đặc điểm giao dịch trên không gian mạng

Quy định tại Điều 11 và Điều 14 không rõ ràng về giá trị pháp lý, giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu. Cần khẳng định rõ giá trị pháp lý và giá trị chứng cứ của các thông điệp dữ liệu/hợp đồng điện tử được giao kết đúng

Một số vướng mắc của ngành ngân hàng đối với Luật giao dịch điện tử (tiếp)



Quy định hiện tại chưa rõ ràng về tính pháp lý và trường hợp áp dụng chữ ký điện tử

Mô tả về định nghĩa chữ ký điện tử chưa rõ ràng

Chưa có quy định hướng dẫn thỏa mãn điều kiện về tính pháp lý của chữ ký điện tử (điểm b khoản 1 Điều 24 Luật GDDT)

Căn cứ theo Điều 21 Luật GDDT, có hai mức độ "chữ ký điện tử" (cơ bản) và "chữ ký điện tử bảo đảm an toàn". Tuy nhiên chưa có quy định rõ ràng về trường hợp sử dụng các mức độ chữ ký điện tử

Một số vướng mắc của ngành ngân hàng đối với Luật giao dịch điện tử (tiếp)



Quy định chưa đầy đủ về giao kết và hợp đồng điện tử

Vướng mắc trong việc lựa chọn phương thức ký kết hợp đồng điện tử với khách hàng do việc xác định giá trị pháp lý của chữ ký điện tử hiện nay mới áp dụng cho chữ ký số

Bộ luật Dân sự 2015 quy định 02 bước mang tính pháp lý quan trọng là đề nghị giao kết hợp đồng và chấp thuận giao kết hợp đồng. Tuy nhiên, Luật GDĐT không quy định cụ thể các vấn đề này

Chưa có quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng điện tử, chưa có quy định về kết nối, dẫn chiếu giữa các quy định này trong thực hiện hợp đồng điện tử với hệ thống pháp luật về hợp đồng và giao kết hợp đồng

Luật GDĐT chưa có quy định về công chứng hợp đồng điện tử

Thực tiễn chữ ký điện tử quốc tế



Luật Liên bang E-SIGN của Mỹ

"Chữ ký điện tử là âm thanh, ký tự hoặc một quy trình điện tử được gắn với một hợp đồng hoặc các bản ghi khác và được chấp thuận bởi chủ thể có ý định ký lên bản ghi đấy"

Luật tập trung vào hoàn cảnh xung quanh sự kiện ký thay vì công nghệ sử dụng

Chủ thể chấp nhận hình thức chữ ký

Chủ thể thêm chữ ký vào văn bản/ bản ghi

Ý định ký của chủ thể

Use case trong ngành ngân hàng Mỹ

Mở tài khoản

Tín dụng

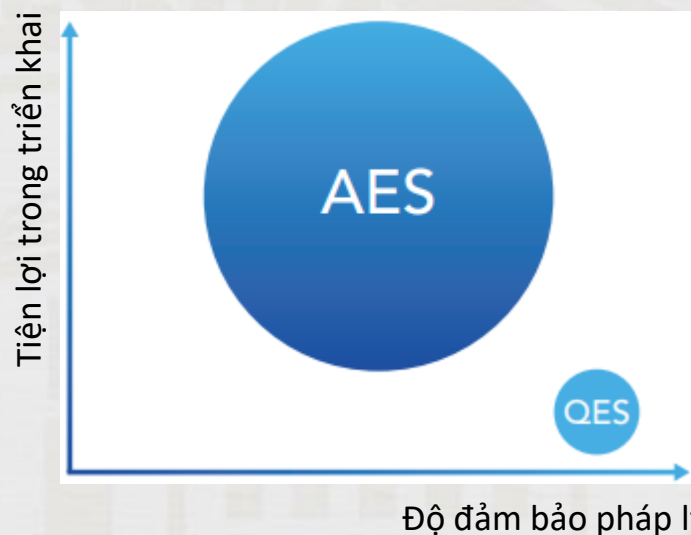
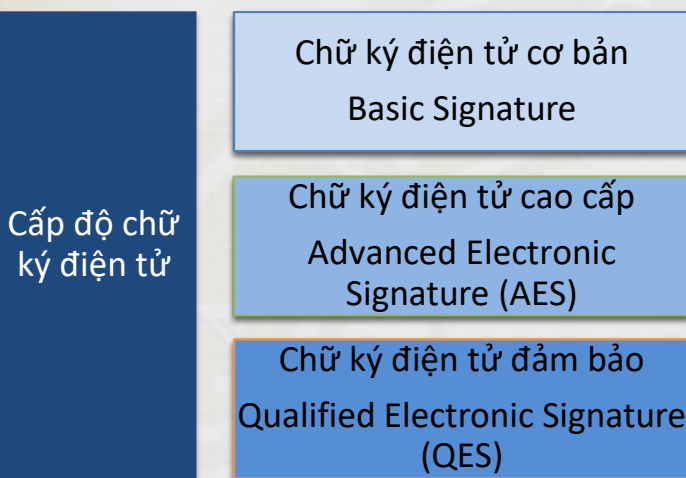
Quản lý tài chính

Bất động sản

Ngân hàng bán lẻ & quản lý tài sản

Thực tiễn chữ ký điện tử quốc tế

Chỉ thị chữ ký điện tử của EU (Electronic Signature Directive (1999/93/EC))



AES là chữ ký đáp ứng các tiêu chí sau:

- Gắn với duy nhất chủ thể ký;
- Có khả năng định danh chủ thể ký;
- Phương thức tạo chữ ký sao cho chỉ thuộc về quyền kiểm soát của chủ thể ký;
- Gắn với thông điệp dữ liệu và phát hiện được các thay đổi đối với thông điệp dữ liệu sau khi ký;

- **QES** là AES được tạo ra bởi một thiết bị tạo chữ ký đảm bảo dựa trên chứng thư số đảm bảo được cấp bởi Nhà cung cấp chứng thực số (CA) được cấp phép;
- **QES** có giá trị pháp lý tương đương chữ ký tươi do có khả năng định danh chủ thể ký và tính xác thực của văn bản ở mức độ cao nhất.
- **QES** đáp ứng yêu cầu pháp lý cho các giao dịch quan trọng như cấp bằng sáng chế, mua bán bất động sản,... và ít được sử dụng hơn do chi phí cao và không tiện lợi

Thực tiễn chữ ký điện tử quốc tế



Ngoài EU, nhiều quốc gia như Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc, Hồng Kông, Ấn Độ, New Zealand,... cũng áp dụng quy định phân cấp tương tự với "*chữ ký điện tử loại cơ bản*" và "*chữ ký điện tử bảo đảm an toàn*" với cùng tính chất như chữ ký số

Một số quốc gia khác như Belarus, Bulgaria, Hàn Quốc,... khuyến cáo khách hàng chỉ sử dụng chữ ký số với chứng thư số đảm bảo an toàn

“Tổ chức cần áp dụng chữ ký điện tử đáp ứng yêu cầu pháp lý nhưng cần cân đối giữa văn hóa, bản chất, mức độ rủi ro của giao dịch và chi phí cũng như sự tiện lợi cho khách hàng”

DocuSign whitepaper “Demistifying Digital Signature Usage for global business”

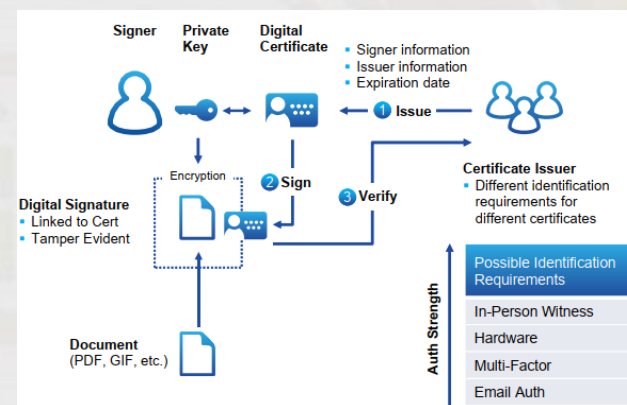
Thực tiễn chữ ký điện tử trong ngành ngân hàng Việt Nam

Ứng dụng chữ ký điện tử, chữ ký số trong các dịch vụ ngân hàng Việt Nam

- Internet banking cho khách hàng doanh nghiệp: xác thực giao dịch bằng chứng thư số do doanh nghiệp đăng ký và được cung cấp bởi các đơn vị Cấp phát và Chứng thực chứng thư số như Viettel, VDC, BKAV,...;

- Hoạt động back-office: sử dụng chữ ký số do các đơn vị Cấp phát và Chứng thực cung cấp trên SIM điện thoại trong công tác quản lý nội bộ, văn bản, giấy tờ, tác nghiệp nội bộ ngân hàng;

- Sử dụng các nền tảng ký số của các nhà cung cấp bên ngoài như DocuSign tích hợp chứng thư số của các đơn vị được cấp phép;



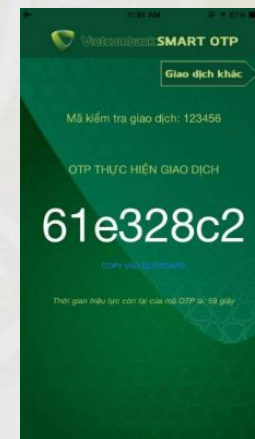
Thực tiễn chữ ký điện tử trong ngành ngân hàng Việt Nam

- Xác thực/ký điện tử sử dụng một hoặc kết hợp các phương thức:

- Kết hợp các thiết bị di động đi kèm như hard token/ usb token/card matrix;
- Vân tay (finger print), face ID trên điện thoại di động thông minh;
- Soft OTP, Smart OTP trên các ứng dụng mobile banking;
- SMS OTP, email OTP.



Với thực tế quy định hiện nay về chữ ký điện tử còn nhiều vướng mắc, các ngân hàng đã chủ động sáng tạo, áp dụng giải pháp kỹ thuật phù hợp với khung pháp lý nhưng vẫn đảm bảo an toàn, kiểm soát được rủi ro, đồng thời tạo thuận tiện cho khách hàng trong bối cảnh số hóa dịch vụ, giao dịch trực tuyến gần như tức thời, diễn ra toàn cầu, không gặp mặt trực tiếp.



Thực tiễn chữ ký điện tử trong ngành ngân hàng Việt Nam



Các hạn chế, bất cập

- ❑ Chi phí cho các giải pháp chữ ký số hiện nay trên thị trường khá cao đối với nhu cầu sử dụng của khách hàng cá nhân và là một khoản đầu tư lớn đối với các ngân hàng.
- ❑ Chứng thư số cá nhân chưa phổ biến, theo đó việc áp dụng Hợp đồng điện tử chưa hiệu quả, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nền tảng số, sản phẩm số; khách hàng vẫn phải ký tươi lên các thỏa thuận, hợp đồng, kế ước...
- ❑ Việc trao đổi văn bản điện tử được ký điện tử bằng chữ ký số còn nhiều bất cập do các đơn vị áp dụng, ứng xử khác nhau với hình thức văn bản này; cụ thể là từ chối, không chấp nhận do điều kiện hạ tầng và quy định nội bộ.
- ❑ Nhiều ngân hàng đề xuất việc sử dụng mã OTP (One-Time Password) kết hợp đa thành tố (Username & password), yếu tố sinh trắc học (vân tay, khuôn mặt, võng mạc,...) để xác thực thỏa thuận, kế ước nhưng không đáp ứng quy định của pháp luật về tính pháp lý của chữ ký điện tử.

Đề xuất khuôn khổ quy định chữ ký điện tử thúc đẩy thanh toán số



Trước bối cảnh cuộc CMCN 4.0 và sự nổi lên của nền kinh tế số tại Việt Nam, chữ ký điện tử hiện là một trong những **công cụ đặc lực nhất** cho phục vụ chuyển đổi số. Do đó, khuôn khổ pháp lý về chữ ký điện tử nhằm thúc đẩy thanh toán số cần hướng đến hai tiêu chí như sau:

1. Tập trung vào bối cảnh xung quanh công đoạn ký, làm rõ được danh tính, ý định ký và thao tác thêm chữ ký vào thông điệp dữ liệu của chủ thể.

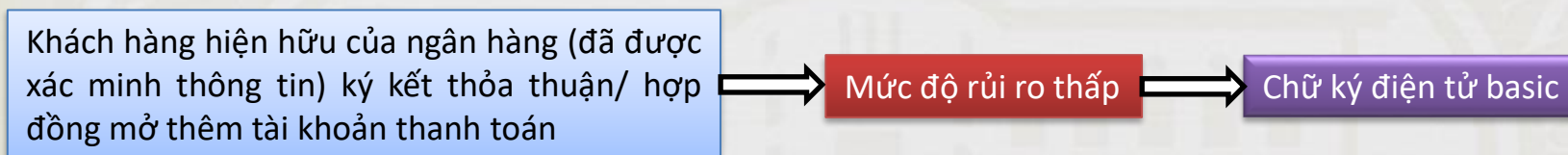
2. Cân đối giữa rủi ro của giao dịch điện tử và tiện ích, chi phí đối với các chủ thể tham gia giao dịch.

Đề xuất khuôn khổ quy định chữ ký điện tử thúc đẩy thanh toán số



Một số đề xuất khuôn khổ quy định chữ ký điện tử phù hợp:

1. Tham khảo tiêu chuẩn đảm bảo an toàn trong giao dịch điện tử và thanh toán (quy định eIDAS) của châu Âu, qua đó chia giao dịch thành 03 mức độ an toàn (basic, advanced, qualified) và các cấp độ chữ ký điện tử tương ứng, đảm bảo giá trị pháp lý. Tổ chức cung cấp dịch vụ căn cứ vào yêu cầu pháp lý của từng loại giao dịch, lựa chọn giải pháp chữ ký điện tử tương ứng phù hợp.



2. Cho phép triển khai kết hợp các giải pháp xác thực đa thành tố kết hợp với tổ hợp 3 câu hỏi xác minh (Something You Have, Something You Know, Something You Are) để nâng cấp mức độ đảm bảo của chữ ký điện tử.

3. Quy định cần chú trọng bối cảnh, việc sử dụng các dữ liệu xung quanh thao tác ký sẽ đem lại khả năng định danh chủ thể tốt hơn, từ đó tăng cường khả năng xác định giá trị pháp lý và giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được ký.

Đề xuất khuôn khổ quy định chữ ký điện tử thúc đẩy thanh toán số



Đề xuất cụ thể

Một số ngân hàng đề xuất phương pháp sử dụng chữ ký điện tử đơn giản dạng OTP kết hợp đa thành tố để xác thực/ ký kết thỏa thuận, giao dịch có mức độ rủi ro thấp. Phương pháp này thể hiện được các yếu tố xác định giá trị pháp lý của chữ ký điện tử như sau:

Xác minh được chủ thể ký

Sử dụng đối với đối tượng khách hàng hiện hữu của ngân hàng, OTP được gửi đến số điện thoại đã đăng ký trước. Qua đó xác minh được chủ thể ký.

Chứng tỏ được sự chấp thuận của chủ thể ký

Hệ thống theo dõi, ghi nhận thao tác của khách hàng trong toàn bộ quá trình xác thực/ ký kết thỏa thuận, giao dịch. Dữ liệu này có giá trị chứng cứ đối với thông điệp dữ liệu được ký.

Đủ tin cậy

Việc kết hợp 2 yếu tố Thông tin khách hàng biết (Something the user knows) và Vật khách hàng sở hữu (Something that the user owns) thể hiện được việc xác thực khách hàng an toàn.

Phương pháp đề xuất cân đối được rủi ro của giao dịch và chi phí đối với khách hàng, ngân hàng cũng như tập trung vào chứng cứ trong bối cảnh diễn ra việc ký kết thay vì tập trung vào công nghệ sử dụng.

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !

*Thank
you*

